PHIẾU ÔN TẬP CUỐI TUẦN 5

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số thập phân gồm **2 chục, 5 phần trăm** là:

A. 2,5 **B.** 20,05 **C.** 20,5 **D.** 500,2

Câu 2.

15,784 < 15,……84

Số thích hợp điền vào ô trống là:

A. 5 **B.** 6 **C. 7** **D.** 9

Câu 3. Phân số $\frac{7}{5}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 7,5 **B.** 1,04 **C.** 1,4 **D.** 7,05

Câu 4.

5,78 ……. 5,7800

Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm.

A. > **B.** < **C.** =

Câu 5. Trong các số thập phân sau, số thập phân nào nhỏ nhất?

A. 1,05 **B.** 2,6 **C.** 1,67 **D.** 5,9

Câu 6.

54 cm = ... m

Số thập phân thích hợp điền vào ô trống là:

LIVEWORKSHEETS

A. 0,054 **B.** 0,54 **C.** 5,4 **D.** 0,0054

Câu 7. Sắp xếp các số thập phân **5,7; 1,98; 3,04; 0,46** theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. 0,46; 1,98; 3,04; 5,7 **B.** 5,7; 3,04; 0,46; 1,98

C. 1,98; 0,46; 3,04;5,7 **D.** 5,7; 3,04; 1,98; 0,46

Câu 8.

Đáp án câu hỏi bạn Hoa là:

A. Rổ A nặng hơn **B.** Rổ B nặng hơn

Bài 2. Điền dấu >, <, = thích hợp vào ô trống

a) 4,56 ……. 6,5 **d)** 3,6 ……. 4,1 **g)** 7,98 ……. 7,089

b) 2,05 ……. 2 **e)** 6,78 ……. 6,7800 **h)** 15,067 ……. 16,57

c) 1,95 ……. 1,908 **f)** 5,7 ……. 5,07 **i)** 45,56 ……. 45

Bài 3.

a) Viết các số **0,15; 5,14; 2,35; 1,075; 1,1** theo thứ tự từ bé đến lớn.

……. ……. ……. ……. …….

b) Viết các số **4,05; 9,41; 0,567; 3,64; 7,84** theo thứ tự từ lớn đến bé.

……. ……. ……. ……. …….

Bài 4. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

a) 3 cm = ……. m **e)** 5 tấn 3 kg = ……. tấn

LIVEWORKSHEETS

b) 12 g = ……. kg

c) 234 m*l* = ……. *l*

d) 2 km 123 m = ……. km

f) 104 yến = ……. tấn

g) 23 mm = ……. m

h) 309 kg = ……. tạ

Bài 5. Viết tiếp vào ô trống cho thích hợp

a) 1,54 < …….. < 1,55

Ba số thập phân thích hợp điền vào ô trống là: ……

b) 2,57 = …….. = 2,570

Bốn số thập phân thích hợp điền vào ô trống là: ……

c) 0,567 > …….. > 0, 56

Ba số thập phân thích hợp điền vào ô trống là: ……

LIVEWORKSHEETS